

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18-06-2024

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Lâm Tới và bà Nguyễn Thị Anh Đào.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 06 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 03 năm 2024 về tranh chấp "xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/05/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Lý Trường V, sinh năm 1976; nơi cư trú: tổ A, khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. Bị đơn: bà Đặng Thị Diễm P, sinh năm 1979; nơi cư trú: tổ F, khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: ông V và bà P tự chung sống vào năm 1999, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/01/2000 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh An Giang. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc từ năm 2013 đến nay, do bà P gây nên nợ nần, nhưng không rõ nguyên nhân, ông V và gia đình hai bên đã nhiều lần trả nợ thay nhưng đến nay vẫn không thể trả hết nợ được, dẫn đến cuộc sống vợ chồng giữa ông V và bà P thường xuyên bất hoà; đến cuối tháng 9 năm 2023 thì mâu thuẫn giữa ông V và bà P ngày càng trầm trọng, không khắc phục được; ông V chuyển ra ngoài thuê nhà trọ sống riêng, ông V và bà P cũng không còn sống chung với nhau từ đến nay. Nhận

thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông V yêu cầu được ly hôn với bà P.

Về con chung: ông V và bà P có 02 con chung tên Lý Đặng Phương V1, sinh ngày 26/04/2000 (đã thành niên, có nghề nghiệp ổn định) và Lý Đặng Như Ý, sinh năm 10/8/2008, hiện con chung đang sống cùng bà P, khi ly hôn cháu Như Ý muốn chọn sống chung với cha hoặc mẹ sẽ do Như Ý chọn, nếu Như Ý chọn sống với ông V thì ông V sẽ nuôi dạy và không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung.

2. Bị đơn bà Đặng Thị Diễm P trình bày:

Về hôn nhân: bà P và ông Lý Trường Vũ t chung sống vào năm 1999, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/01/2000 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh An Giang. Bà P thừa nhận cuộc sống hôn nhân chung sống không hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên bất hoà; đến cuối tháng 9 năm 2023 mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, không khắc phục được và ông V chuyển ra ngoài thuê nhà trọ sống riêng, bà P và ông V cũng không còn sống chung với nhau từ đến nay. Nay ông V yêu cầu ly hôn, bà P đồng ý.

Về con chung: có 02 con chung tên là Lý Đặng Phương V1, sinh ngày 26/04/2000 (đã thành niên, có nghề nghiệp ổn định) và Lý Đặng Như Ý, sinh năm 10/8/2008, hiện con Như Ý đang sống cùng bà P; khi ly hôn việc con chung Lý Đặng Như Ý muốn chọn sống chung với cha hoặc mẹ sẽ do Như Ý chọn, nếu Như Ý chọn sống với bà P thì bà P sẽ nuôi dạy và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lý Trường V với bà Đặng Thị Diễm P.

Về con chung: giao con chung tên Lý Đặng Như Ý, sinh ngày 10/8/2008 cho bà P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại trên địa bàn thị xã T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn ông V, bị đơn bà P đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà P được xác lập vào năm 1999, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn ông V và bị đơn bà P được xác lập vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh An Giang theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả xác minh tại địa phương cho thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, đã phát sinh mâu thuẫn và hiện vợ chồng đang sống ly thân nhau.

Theo quy định tại Điều 18 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định: “Vợ chồng chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững”.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng nguyên đơn và bị đơn đã không còn sống chung với nhau, do cuộc sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến nguyên đơn ông V xin ly hôn, bị đơn bà P đồng ý. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn ông V khởi kiện xin ly hôn bà P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[5] Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên là Lý Đăng Phương V1, sinh ngày 26/04/2000 (đã thành niên, có nghề nghiệp ổn định) và Lý Đăng Như Ý, sinh năm 10/8/2008, đang sống cùng bà P; lời khai của các cháu Như Ý có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Vì vậy, để ổn định môi trường sống, học tập của cháu Như Ý, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Như Ý có bà P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại 91, 92, 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Theo quy định: bà P là người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo căn cứ do pháp luật quy định.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung; về quan hệ tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: nguyên đơn ông Lý Trường V là người xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Bị đơn bà Đặng Thị Diễm P không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 9, 11, 89, 91, 92, 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Lý Trường V.

Về quan hệ hôn nhân: ông Lý Trường V được ly hôn với bà Đặng Thị Diễm P.

Về quan hệ con chung: giao cho bà Đặng Thị Diễm P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lý Đặng Như Ý, sinh năm 10/8/2008.

Bà Đặng Thị Diễm P là người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí sơ thẩm: ông Lý Trường V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo lai lai số 0010609 ngày 06/12/2023 của Chi Cục Thi hành án Dân sự thị xã Tịnh Biên.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai; thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên;
- Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ và Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Châu Nam Phú